

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-PT

Ngày 24 - 6 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trương Trung Tín, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”. Do Bản án sơ thẩm số 18/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã O, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2022/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **A**, sinh năm 2001, (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã N, thị xã O, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh **B**, sinh năm 1995, (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã N, thị xã O, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông D, Luật sư Văn phòng Luật sư D, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà C, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp M, xã N, thị xã O, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người kháng cáo: Anh B, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị A trình bày: Chị và anh B tự nguyện kết hôn năm 2018, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã O, tỉnh Bạc Liêu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/7/2019. Chị và anh B có 01 con chung, cháu gái tên E, sinh ngày 10/4/2019, hiện đang sống cùng với anh B. Nguyên nhân mâu thuẫn, do anh B không chăm lo gia đình, tham gia cờ bạc, khuyến khích không kết quả, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị không hòa hợp với gia đình chồng được dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc và chị sống ly thân từ tháng 3/2021. Chị A yêu cầu được ly hôn với anh B, yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Tài sản chung: Chị và anh B có tài sản chung là 10 chỉ vàng 24K, gồm 01 dây chuyền vàng 24K trọng lượng 4,5 chỉ, 01 lắc vàng 24K trọng lượng 4 chỉ và nhẫn 1,5 chỉ vàng 24K, do mẹ chồng là bà C giữ, đồng ý anh B đã bán 04 chỉ vàng 24K để nuôi con, còn lại yêu cầu chia đôi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh B xác định: Anh B thống nhất với trình bày của chị A về quan hệ hôn nhân, con chung. Mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, nhưng chị A xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn với chị A; về con chung, anh không đồng ý giao cháu E, sinh ngày 10/4/2019 cho chị A trực tiếp nuôi, do cháu E đang sống ổn định cùng anh, cháu phát triển bình thường. Chị A không đảm bảo điều kiện để chăm sóc con. Anh B yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị A cấp dưỡng. Tài sản chung hiện anh đang quản lý 06 chỉ vàng 24K, đồng ý chia đôi, giao cho chị A 03 chỉ vàng 24K; nợ chung không có không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C trình bày: Trước đây bà có giữ dùm vợ chồng anh B và chị A 06 chỉ vàng 24K, nhưng hiện đã giao trả lại anh B.

Từ nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 18/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã O, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung là E, sinh ngày 10/4/2019 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia

đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chia tài sản, áp dụng lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và Luật Thi hành án trong giai đoạn thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/4/2022 anh B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại giao con cho anh tiếp tục nuôi, không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng. Tại phiên tòa anh B giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư D bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh B cho rằng: Anh B kháng cáo xin trực tiếp nuôi con là có căn cứ, vì chị A nuôi con sẽ không đảm bảo, do chị A đi làm, có làm ca đêm và hưởng lương khoán; việc chị A nhờ ông bà nội của chị chăm con là không đảm bảo và hiện nay cháu đã hơn 36 tháng tuổi. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo của anh B được trực tiếp nuôi con chung.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu: Về thủ tục tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy anh B kháng cáo xin trực tiếp nuôi con, nhưng cháu E, sinh ngày 10/4/2019 tính đến khi xét xử sơ thẩm chưa đủ 36 tháng tuổi, nên cấp sơ thẩm giao cho chị A trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh B và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị A xin ly hôn, anh B đồng ý ly hôn, cấp sơ thẩm xử công nhận thuận tình ly hôn giữa hai anh chị là có căn cứ.

Chị A và anh B có 01 con chung cháu tên E, sinh ngày 10/4/2019, hiện đang sống cùng anh B. Anh B kháng cáo yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh B xác định, điều kiện anh nuôi con tốt hơn chị A và anh đang nuôi con rất tốt. Chị A xác định có việc làm hưởng lương hàng tháng, có nhà ở, là nhà chị ở chung với ông bà nội chị từ lúc 4 tuổi, không đồng ý để anh B nuôi con, xác định không an tâm giao con cho anh B nuôi, vì là cháu gái còn rất nhỏ chị chăm sóc con sẽ đảm bảo tốt hơn anh B.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình quy định, về nghĩa vụ và quyền chăm sóc con: “*Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên...*”. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Chị A và anh B hiện đều có việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện, đảm bảo trực tiếp nuôi con. Cháu E, sinh ngày 10/4/2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm chưa đủ 36 tháng tuổi. Mặc dù cháu trực tiếp sống với anh B, do chị A không mang con theo được khi ly thân và chị A xin ly hôn có nguyện vọng nuôi con, cũng không có căn cứ xác định chị A không đủ điều kiện nuôi con. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử giao con cháu E, sinh ngày 10/4/2019 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin trực tiếp nuôi con của anh B như đề nghị của Luật sư, mà cần chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

Tuy nhiên, sau này khi anh B đã giao con cho chị A nuôi, nếu có đầy đủ căn cứ cho rằng chị A trực tiếp nuôi con là không đảm bảo, thì anh B có quyền yêu cầu xin thay đổi nuôi con bằng vụ án khác, theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm không tuyên anh B giao con là thiếu sót và tuyên về tài sản chung anh B có nghĩa vụ giao trả cho chị A 03 chỉ vàng 24K, không tuyên (loại vàng lưu hành tại địa phương), cấp phúc thẩm tuyên bổ sung để đảm bảo thi hành án.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm về hôn nhân và gia đình anh B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh B và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 18/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã O, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là E, sinh ngày 10/4/2019 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc anh B có nghĩa vụ giao con chung là E, sinh ngày 10/4/2019 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị A và anh B thống nhất thỏa thuận chia đôi tài sản chung là 06 chỉ vàng 24K. Anh B đang quản lý tài sản chung, nên buộc anh B có nghĩa vụ giao trả cho chị A 03 (ba) chỉ vàng 24K, (loại vàng lưu hành tại địa phương).

4. Về nợ chung: Chị A và anh B thống nhất không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5. Về án phí:

Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 834.000 đồng (tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Chị A đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0003624 ngày 17/6/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã O, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, chị A còn phải nộp bổ sung số tiền 834.000 đồng (tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Anh B phải nộp án phí dân sự có giá ngạch 834.000 đồng (tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm về hôn nhân gia đình anh B phải nộp 300.000 đồng, anh B đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0003946 ngày 04/4/2022 tại của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã O, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã O;
- CCTHADS thị xã O;
- UBND xã N, thị xã O;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Thị Thu Hương